TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT
Ngày: 20-01-2021.
"Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;

Bà Dương Thúy Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TrB, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942; địa chỉ: Số 27/KF, Quốc lộ 22, tổ 9, khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 29/KF, Quốc lộ 22, tổ 9, khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1965; có đơn xin vắng mặt;

2. Bà Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1966; có đơn xin vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị KA, sinh năm 1993; có đơn xin vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thị KO, sinh năm 1995; có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 29/KF, quốc lộ 22, tổ 9, khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN.

5. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1980; địa chỉ hộ khẩu: Khu phố GH,

phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN; địa chỉ tạm trú: Số 29/KF, quốc lộ 22, tổ 9, khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN; vắng mặt;

6. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 27/KF, quốc lộ 22, tổ 9, khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 27-6-2014, bà được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) TrB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.061,6 m^2, thửa 22, tờ bản đồ 29, tại khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN. Phần đất này giáp ranh với đất bà Trần Ngọc Y.

Trên đất của bà đã xây một căn nhà tường, lợp ngói vào năm 1980. Đến khoảng năm 1984, bà Y cũng xây nhà tường, lợp ngói, hai bên xây nhà có chừa mương nước giữa ranh đất. Khi bà Y sửa nhà, xây nhà mới, bà Y chiếm luôn phần đất mương nước này; ô văng và mái nhà của bà Y xây lấn qua không gian nhà của bà.

Nay bà yêu cầu bà Y trả lại cho bà phần đất bà Y đã lấn chiếm có diện tích 04 m^2 và buộc bà Y tháo dỡ, cắt bỏ phần mái nhà, ô văng đã xây lấn qua không gian nhà bà. Cụ thể, phần ô văng lấn chiếm là 0,22 m x 0,93 m = 0,2 m^2; phần mái ngói lấn chiếm là 8,9 m x 0,1 m = 0,89 m^2.

Bị đơn bà Trần Ngọc Y trình bày: Phần đất bà đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ bà cho từ năm 1982 đến nay nhưng bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà ngói xưa, bà đã xây dựng, sửa nhà này và sử dụng ổn định từ năm 1982 cho đến nay. Nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B vì bà không lấn chiếm đất và không gian đất của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Y. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà Y cho bà Y sử dụng từ trước khi ông và bà Y kết hôn (năm 1990). Nay ông có cùng nguyện vọng với bà Y, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ, chị Nguyễn Thị KA, chị Nguyễn Thị KO trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Phần đất tranh chấp là một phần trong diện tích đất chị đang thuê của bà Y; thời hạn thuê là 05 năm (từ ngày 01-7-2016 đến ngày 01-7-2021). Việc tranh chấp đất đất giữa bà B với bà Y chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với bà Y trong vụ

án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh là con ruột bà B và đang sống chung với bà B. Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà B. Anh đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà B với bà Y theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 30-9-2020, của Tòa án nhân dân thị xã TrB, tỉnh TN đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Trần Ngọc Y, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 04 m^2, thuộc thửa số 09, tờ bản đồ 29 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN, tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất bà B dài 2,76 m + 7,9 m + 0,93 m + 7,4 m + 1,51 m + 1,56 m; hướng Tây giáp đất bà Y, dài 2,75 m + 7,91 m + 0,93 m + 7,41 m + 3,07 m; hướng Bắc giáp đường Quốc lộ 22, dài 0,3 m (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Trần Ngọc Y phải tháo dỡ, cắt bỏ phần mái ngói diện tích 8,9 m x 0,1 m (0,89 m^2) và phần ô văng diện tích là 0,22 m x 0,93 m (0,2m^2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 14-10-2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc Y, ông Nguyễn Văn B1, bà Trần Thị Anh Đ, chị Nguyễn Thị KA, chị Nguyễn Thị KO, chị Nguyễn Thị Ch, anh Nguyễn Thanh H đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà B. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích 04 m^2, thuộc thửa số 09, tờ bản đồ 29 (BĐ 2005) không thuộc thửa đất số 22 do bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hiện tại đất này do bà Y quản lý sử dụng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

[2.2] Xét kháng cáo của bà B buộc bà Y tháo dỡ, cắt bỏ phần mái nhà, ô văng đã xây lấn qua không gian nhà bà B; Hội đồng xét xử xét thấy bà B đã xây dựng nhà vào năm 1980, bà Y xây nhà vào khoảng năm 1985; khi bà Y xây dựng nhà thì bà B không có ý kiến hay ngăn cản và bà Y đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay đã trên 30 năm. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà B là phù hợp với quy định tại Điều 175 của Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B nên bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà B.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B;

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 30-9-2020, của Tòa án nhân dân thị xã TrB, tỉnh TN.

4. Căn cứ vào Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Luật xây dựng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Trần Ngọc Y, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 04 m^2, thuộc thửa số 09, tờ bản đồ 29 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố LTh, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh TN, tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất bà B dài 2,76 m + 7,9 m + 0,93 m + 7,4 m + 1,51 m + 1,56 m; hướng Tây giáp đất bà Y, dài 2,75 m + 7,91 m + 0,93 m + 7,41 m + 3,07 m; hướng Bắc giáp đường Quốc lộ 22, dài 0,3 m (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

4.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Trần Ngọc Y phải tháo dỡ, cắt bỏ phần mái ngói diện tích 8,9 m x 0,1 m (0,89 m^2) và phần ô văng diện tích là 0,22 m x 0,93 m (0,2m^2).

4.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

4.4. Chi phí tố tụng: Bà B phải chịu 19.000.000 (mười chín triệu) đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận đã nộp đủ.

4.5. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh TN;
- TAND thị xã TrB;
- Chi cục THADS thị xã TrB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn